

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM XUYỀN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2020

V/v chia tài sản chung vợ chồng
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Vinh

Ông Trịnh Ngọc Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 27 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1966 (tức Hoàng Duy N hoặc Hoàng Hữu N) (Có mặt).

Trú tại: Thôn 4, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1969 (Có mặt).

Trú tại: Thôn 4, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hoàng Thị S: Bà Phạm Quỳnh T - Luật sư Công ty luật TNHH Mai Sen chi nhánh Kỳ A - Thuộc Đoàn luật sư Hà Tĩnh (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- UBND huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đăng N - Chủ tịch UBND huyện (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Trần Hữu D - Phó chủ tịch UBND huyện (Có mặt).

+ Ông Đặng Hữu N - Chánh thanh tra huyện (Có mặt).

+ Ông Trần Viết C - Trưởng phòng tài nguyên và môi trường (Có mặt).

- UBND xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T - Chủ tịch UBND xã (Có mặt ngày 08/5/2020, vắng mặt ngày 27/5/2020).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T - Cán bộ lâm nghiệp (Có mặt).

- Hạt kiểm lâm huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M - Hạt trưởng (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến D - Phó hạt trưởng (Có mặt).

- Bà Hoàng Thị N; trú tại: Thôn 4, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hà T; địa chỉ: Số 188 Nguyễn Huy T, thành phố Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt, có văn bản từ chối tham gia tố tụng).

4. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị S, ông Phạm Hồng C; Đều trú tại: Thôn 4, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn T; Trú tại: Thôn 3, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Hữu H; Trú tại: Xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Quyết định tái thẩm số 12/2019/HNGĐ-TT ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung: Năm 2007, vợ chồng bà Hoàng Thị S và ông Hoàng Văn N ly hôn. Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2007/HNGĐ - ST ngày 23/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định về tình cảm, con cái và tài sản chung.

Không đồng ý với quyết định về việc phân chia tài sản, bà Hoàng Thị S và ông Hoàng Văn N đã kháng cáo bản án. Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm số 10/2007/LHPT của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định về tài sản là quyền sử dụng đất như sau:

- Giao bà Hoàng Thị S được quyền sử dụng 175m² đất ở theo quyết định số 02/QĐUB ngày 02/6/1994 của UBND huyện Cẩm Xuyên, tạm giao bảo quản 93m² đất nằm ngoài quyết định. Phần đất rừng 6.221,5m² không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực.

- Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao bà Hoàng Thị S sử dụng 5,3ha đất sản xuất lâm nghiệp đã được cấp sổ lâm bạ ngày 27/01/1994 mang tên Hoàng Duy N.

Ngày 29/6/2017 và ngày 05/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có Công văn số 15/BCTT-TA và Công văn số 133/BCTT-TA về việc báo cáo, đề nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 10/2007/LHPT của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Nội dung Quyết định tái thẩm số 12/2019/HNGĐ-TT ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thể hiện: Diện tích đất lâm nghiệp 5,3 ha được

cấp sổ lâm bạ cho anh Hoàng Duy N vào năm 1994 đã bị thu hồi để cấp lại GCNQSD đất cho những cá nhân, tổ chức khác nhưng Tòa án và đương sự không biết trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 10/2007/LHPT ngày 17/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nên cần kháng nghị tái thẩm để làm rõ diện tích đất lâm nghiệp 5,3ha mà Tòa án cấp phúc thẩm tuyên giao cho chị S có còn là tài sản chung của vợ chồng tại thời điểm xét xử hay không từ đó mới có cơ sở để giải quyết triệt để vụ án.

Quá trình xét xử anh N có lời khai quyền sử dụng diện tích đất lâm nghiệp 12.443m² vợ chồng anh được cấp là căn cứ vào sổ lâm bạ có diện tích 5,3ha để cấp chứ 12.443m² không có sổ lâm bạ riêng, theo anh diện tích đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 12.443m² là nằm trong diện tích 5,3ha của sổ lâm bạ. Do đó, cần phải hủy cả phần diện tích đất lâm nghiệp 12.443m² để xem xét, xác định phần đất này có liên quan đến diện tích đất lâm nghiệp 5,3ha hay không; Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa tính án phí khi tài sản chung nên khi xem xét lại cần tính án phí chia tài sản chung đối với tài sản này.

1. Chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy một phần bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 10/2007/LHPT ngày 17/8/2007 của TAND tỉnh Hà Tĩnh và hủy một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2007/HNGĐ-ST ngày 23/5/2007 của TAND huyện Cẩm Xuyên về phần tài sản liên quan đến diện tích đất lâm nghiệp trong vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là anh Hoàng Văn N với bị đơn là chị Hoàng Thị S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Hoàng Duy N trình bày: Phần diện tích đất lâm nghiệp theo sổ lâm bạ 5,3ha hiện không còn được xác lập trên hiện trạng, sổ lâm bạ này tại thời điểm vợ chồng ly hôn không còn giá trị pháp lý; quyền sử dụng đất lâm nghiệp 12.443m² được cấp là căn cứ vào thực trạng sử dụng đất theo sổ lâm bạ có diện tích 5,3ha để cấp đổi; 12.443m² không có sổ lâm bạ riêng. Vì vậy, tài sản chung của vợ chồng về đất lâm nghiệp chỉ có duy nhất thửa đất có diện tích 12.443m² tại thửa số 35, tờ bản đồ số 01, đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Hoàng Thị S trình bày: Thửa đất 5,3 ha hiện có trên thực địa, nằm ở lô số 02 và lô 03 theo bản đồ thiết kế trồng rừng. Có tứ cận: Phía N liền kề với đất ông T, bà Q; Phía Đông đi dọc đường ô tô cũ đi ra địa điểm lô số 01; phía Bắc giáp lô số 01 (cấp ngày 18/12/1995); phía Tây liền kề đồi núi và liền kề đất hoang, đất lâm nghiệp của bà. Hiện nay sổ lâm bạ 5,3 ha đang có hiệu lực nên đây là tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Tòa án công nhận giao cho bà toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất này.

Bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm đã công nhận diện tích 5,3 ha trên thực địa là đúng; các ngành phối hợp với cơ quan Thi hành án đã giao cho bà 5,3 là đúng thực tế và có quyết định kết thúc việc thi hành án vào năm 2008. Việc UBND

huyện Cẩm Xuyên không cấp đổi lại diện tích 5,3 ha sau khi án có hiệu lực là trái quy định của pháp luật.

Phần diện tích đất 12.443m² là tài sản chung của vợ chồng. Sau khi bản án sơ thẩm và phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, năm 2011 bà đã làm thủ tục và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 6.221,5m², đã trồng cây trên diện tích đất này; quá trình Nhà nước thu hồi để làm đường vào rừng, bà đã nhận tiền bồi thường đối với diện tích 1600,75m² và không có ý kiến khiếu nại gì. Nay đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - UBND huyện Cẩm Xuyên trình bày:

- Về nguồn gốc Lâm bạ 5,3ha mang tên ông Hoàng Duy N và quá trình cấp GCNQSD đất lâm nghiệp.

Ngày 27/01/1994, UBND huyện cấp sổ Lâm bạ cho ông Hoàng Duy N diện tích 5,3 ha tại lô thứ 2 và lô thứ 3; ông Hoàng Duy T diện tích 7,2ha tại lô thứ 1 và lô thứ 4; ông Trần Văn T diện tích 01 ha tại lô thứ 5 theo thiết kế rừng tính dọc theo đường ô tô từ thị trấn Cẩm Xuyên đi vào rừng.

Năm 1995, thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng, cấp giấy CNQSDĐ theo Nghị định 02/NĐ-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ và Thông tư 06-LN/KL ngày 18/6/1994 của Bộ lâm nghiệp về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài. Xã Cẩm Q được chỉ đạo thực hiện điểm công tác đo vẽ hiện trạng sử dụng đất rừng, lập bản đồ đất, giao rừng và đã được UBND huyện, Sở địa chính phê duyệt ngày 20/12/1995.

Theo đó, ông Hoàng Duy N, ông Hoàng Duy T và ông Trần T có đơn đăng ký cấp giấy CNQSDĐ, có xác nhận của UBND xã Cẩm Q. Trên cơ sở bản đồ đất lâm nghiệp năm 1995, đơn đăng ký cấp giấy CNQSDĐ của các hộ, UBND huyện đã cấp giấy CNQSDĐ và lập biên bản giao đất cho các hộ dân cụ thể:

+ Ông Hoàng Duy N được giao đất, cấp giấy CNQSDĐ số xeri H-264325 ngày 28/12/1995, vào sổ số 728/QSDĐ/10/01/1996 với diện tích 12.443m², tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 01 và biên bản giao đất ngày 16/01/1996.

+ Ông Hoàng Duy T được giao đất, cấp giấy CNQSDĐ số xeri H -264326 ngày 28/12/1995, vào sổ số 730/QSDĐ/10/01/1996 với diện tích là 36.412m², tại thửa đất số 74b, tờ bản đồ số 01 và biên bản giao đất ngày 16/01/1996.

+ Ông Trần T được giao diện tích là 32.448m² tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 01 theo biên bản giao đất ngày 16/01/1996.

+ Ngoài ra, tại thửa đất số 72, diện tích 70.930m² được ghi là Đồi quân đội, UBND tỉnh có quyết định số 949/QĐUB ngày 16/7/1994 về việc thu hồi đất; quyết định số 950/QĐUB ngày 16/7/1994 về việc giao đất sử dụng mục đích chuyên dùng và cấp GCNQSDĐ ngày 14/12/2010 với diện tích 67.067,5m² cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tĩnh sử dụng làm thao trường luyện tập.

Căn cứ bản thiết kế trồng rừng năm 1994, bản đồ lâm nghiệp năm 1995, các sổ lâm bạ, giấy CNQSDĐ và biên bản giao đất cho các hộ Hoàng Duy N, Hoàng Duy T và Trần Văn T cho thấy việc cấp Lâm bạ, cấp giấy CNQSDĐ và biên bản giao đất đều thể hiện thống nhất cùng ngày. Tuy vậy, diện tích và vị trí thửa đất giao cho các hộ có sự thay đổi. Cụ thể: vị trí tính theo đường ô tô từ thị trấn Cẩm

Xuyên đi vào rừng theo lâm bạ thì ông Hoàng Duy N vị trí số 2 và số 3, ông Hoàng Duy T vị trí thứ 1 và 4, ông Trần Văn T vị trí thứ 5; nhưng theo giấy CNQSD đất và biên bản giao đất thì ông Hoàng Duy N thừa đất số 35 nằm vị trí thứ 1, ông Hoàng Duy T thừa đất số 74b nằm vị trí thứ 2 và ông Trần Văn T thừa đất số 94 nằm vị trí thứ 3. Lý do có sự thay đổi này vì ông N và ông Tú có sự thỏa thuận và căn cứ vào diện tích thực tế ông N đã canh tác, các bên không có tranh chấp, khiếu nại gì; khi kê khai để cấp giấy CNQSDĐ gia đình ông N và ông Tú đã kê khai vị trí thừa đất như đã cấp trong giấy CNQSDĐ.

Qua mô phỏng vị trí lâm bạ 5,3 ha mang tên Hoàng Duy N lên bản đồ lâm nghiệp xã Cẩm Q năm 1995 thì có sự chồng chéo với các giấy CNQSDĐ đã cấp, cụ thể: Giấy CNQSDĐ cấp cho ông Hoàng Duy N với diện tích 12.443m²; Giấy CNQSDĐ cấp cho ông Hoàng Duy T với diện tích 36.412m²; Giấy CNQSDĐ cấp cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tĩnh với diện tích 67.067,5m².

Như vậy, diện tích đất 5,3ha theo sổ Lâm bạ đã cấp cho ông Hoàng Duy N ngày 27/01/1994 qua 02 lần đo đạc bản đồ lâm nghiệp (Bản đồ lâm nghiệp theo Nghị định 02/CP năm 1995 và Bản đồ lâm nghiệp 2004) đều không còn được xác lập và diện tích đất trên thực địa đã được cơ quan có thẩm quyền thu hồi và giao cho các tổ chức, cá nhân sử dụng ổn định từ trước đến nay và sổ lâm bạ không còn giá trị pháp lý để bàn giao, cấp giấy CNQSDĐ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - UBND xã Cẩm Q trình bày:

- Năm 1994, hộ ông Hoàng Duy N đã được UBND huyện Cẩm Xuyên cấp sổ lâm bạ không số ngày 17/01/1994 với diện tích 5,3ha để trồng rừng tại thôn 4 xã Cẩm Q.

- Năm 1995, thực hiện chủ trương cấp giấy CNQSDĐ lâm nghiệp và giao đất rừng đồng loạt cho hộ gia đình cá nhân tại xã Cẩm Q. UBND huyện đã đo vẽ bản đồ địa chính toàn bộ đất lâm nghiệp làm căn cứ giao đất và cấp giấy CNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân tại xã Cẩm Q. Trên bản đồ đo đạc thời điểm này không thể hiện phần diện tích 5,3ha đã được cấp lâm bạ cho ông Hoàng Duy N.

- Đối chiếu với giấy CNQSDĐ cấp ngày 10/01/1996 cho ông Hoàng Duy N thì thừa đất này được thể hiện trên bản đồ đo vẽ để giao đất và cấp giấy CNQSDĐ cho hộ gia đình cá nhân thuộc thừa đất số 35, tờ bản đồ số 1, diện tích 12.443m². Hiện nay thừa đất này đang được bà Hoàng Thị S và ông Hoàng Duy N canh tác, sử dụng.

Như vậy, căn cứ vào các giấy tờ liên quan và hiện trạng, thực tế sử dụng đất thì phần diện tích 5,3ha theo sổ lâm bạ cấp cho ông Hoàng Duy N hiện tại không còn được xác lập, sổ lâm bạ không còn giá trị pháp lý; thừa đất có diện tích 12.443m² cấp giấy CNQSDĐ cho ông Hoàng Duy N là thực tế, sử dụng đúng mục đích, đúng hiện trạng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Hạt kiểm lâm huyện Cẩm Xuyên trình bày:

- Về hồ sơ lưu trữ tại đơn vị gồm có: 01 đơn xin nhận đất, nhận rừng của hộ ông Hoàng Duy N, với diện tích 5,3ha, có xác nhận của UBND xã Cẩm Q. Đơn xin nhận đất, nhận rừng không ghi ngày, tháng, năm, có sửa con số ở phần diện tích; 01

Sổ lâm bạ mang tên Hoàng Duy N cấp ngày 27/01/1994, không có số, với diện tích 5,3ha, có sửa số ở phần diện tích, sơ đồ khu đất được giao tỷ lệ 1/10.000; 01 bản đồ thiết kế trồng rừng PAM năm 1994, đồi trồng rừng Hoàng Duy T, có phần diện tích đất của ông Hoàng Duy N.

- Về tính pháp lý của sổ lâm bạ: Ông Hoàng Duy N đăng ký hộ khẩu tại địa phương thuộc đối tượng đủ điều kiện để được Nhà nước giao đất, giao rừng theo chủ trương của Nhà nước; Đơn xin nhận đất, nhận rừng (không ghi thời gian viết đơn) nhưng được UBND xã Cẩm Q xác nhận ông Hoàng Duy N đảm bảo các điều kiện để được giao đất, giao rừng; Sổ lâm bạ không ghi số do Phó chủ tịch UBND huyện Cẩm Xuyên ký và đóng dấu nhưng không ghi họ tên người ký. Như vậy, sổ lâm bạ mang tên Hoàng Duy N tại thời điểm được cấp đảm bảo pháp lý, đúng đối tượng. Việc cấp giấy CNQSDĐ 12.443m² thuộc thẩm quyền của UBND huyện, Hạt kiểm lâm không tham gia. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Bà Hoàng Thị N trình bày: Bố bà là ông Hoàng Duy T, hiện bà đang cùng ông N trồng cây trên diện tích đất cấp cho ông Hoàng Duy T và trồng cây tại phần đất phía tây (giáp thửa đất số 35, tờ bản đồ số 1 cấp của ông N, bà S). Bà đồng ý để ông N, bà S được toàn quyền định đoạt (khai thác, sử dụng) số cây cối bà trồng nằm trên phần đất nay được chia cho ông N và bà S theo thực trạng sử dụng mà không có yêu cầu, khiếu nại gì. Đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ 26/12/2019.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quyết định tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy một phần bản án sơ thẩm và phúc thẩm nói trên, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên xét xử sơ thẩm lại. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Trong công văn trả lời Chi cục Thi hành án huyện Cẩm Xuyên về lý do không thể cấp giấy CNQSDĐ 5,3ha cho bà S ngày 17/01/2014, UBND huyện cho rằng ông Hoàng Văn N không sử dụng hết diện tích 5,3 ha mà chỉ sử dụng trồng rừng với diện tích 12443 m², diện tích còn lại không sử dụng hiện nay là đất nghĩa trang, đất Quốc phòng nhưng báo cáo 1495 ngày 09/8/2016 UBND huyện Cẩm Xuyên lại cho rằng qua mô phỏng vị trí lâm bạ 5,3 ha lên bản đồ lâm nghiệp xã Cẩm Q năm 1995 thì có sự chồng đè như sau: 0,37 ha thuộc thửa đất 12443m² cấp cho ông N; 2,92 ha do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tĩnh sử dụng, đã được giấy CNQSDĐ; 1,31 ha cấp trùng cho ông Hoàng Duy T; 0,74 ha đất hiện nay chưa cấp cho ai.

Rõ ràng diện tích 12443m² không phải là diện tích thực tế trồng rừng theo sổ lâm bạ vì trong 12443m² ha chỉ có 0,37 ha là đất trong lâm bạ. Do đó, quan điểm của các cá nhân tổ chức cho rằng giấy CNQSDĐ cấp 12443m² là giấy tờ thay thế sổ lâm bạ, sổ lâm bạ không còn giá trị là hết sức vô lý và việc khẳng định diện tích trên thực địa đã thu hồi nhưng không hề có một thủ tục thu hồi nào được thực hiện.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao 4,94ha thuộc lâm bạ 5,3ha và ½ diện tích của 12443m² cho bà Hoàng Thị S sử dụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Quá trình thẩm vấn, xét xử đã tuân theo đúng quy định của phiên tòa dân sự sơ thẩm nên không yêu cầu khắc phục vi phạm về thủ tục tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tham gia tố tụng có mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thu thập tài liệu, chứng cứ đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa. Căn cứ Điều 33, 38, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 210, 213, 224, 235 Bộ luật dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm b Khoản 1 điều 24, Điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Đối với diện tích đất lâm nghiệp 5,3ha theo sổ lâm bạ cấp ngày 27/01/1994 mang tên Hoàng Duy N: Sổ lâm bạ không còn hiệu lực, diện tích đất theo sổ lâm bạ này không còn được xác lập trên thực tế. Vì vậy, đây không còn là tài sản chung của vợ chồng giữa ông Hoàng Duy N và bà Hoàng Thị S để phân chia theo quy định của pháp luật.

- Đối với diện tích đất lâm nghiệp 12.443m² theo giấy CNQSDĐ 28/12/1995 mang tên Hoàng Duy N: Quyết định tái thẩm đã hủy phần đất lâm nghiệp này; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận diện tích đất lâm nghiệp này được xác lập trên thực địa, giấy CNQSDĐ được cấp theo quy định, có hiệu lực pháp lý, là tài sản chung của vợ chồng ông Hoàng Duy N và bà Hoàng Thị S. Nguyên đơn, bị đơn đề nghị phân chia lại theo hiện trạng thực tế. Vì vậy, cần phân chia diện tích đất này theo hiện trạng sử dụng đất, cụ thể như sau:

+ Bà Hoàng Thị S được hưởng kỷ phần $\frac{1}{2}$ thửa đất, tương đương với diện tích 7.378,425m², bà đã nhận tiền đền bù khi thu hồi 1600,75m² nên diện tích đất còn lại được hưởng là 5.777,7m², tương đương với số tiền 42.177.000đồng.

+ Ông Hoàng Duy N được hưởng kỷ phần $\frac{1}{2}$ thửa đất, tương đương với diện tích 7.378,425m², ông đã nhận tiền đền bù khi thu hồi 1280,6m² nên diện tích đất còn lại được hưởng là 6.097,8m², tương đương với số tiền 44.514.000đồng.

+ Buộc bà Hoàng Thị S phải khai thác toàn bộ số cây bà trồng nằm trên diện tích 166,5m², nay phần đất này được chia cho ông Hoàng Duy N để trả lại mặt bằng cho ông N.

+ Bà Hoàng Thị N trồng cây trên phần diện tích chênh lệch giữa diện tích thực trạng theo đo đạc hiện nay so với diện tích đất ông Hoàng Duy N và bà Hoàng Thị S được chia theo các bản án nói trên. Bà Hoàng Thị N không yêu cầu gì nên không xem xét.

Về án phí: Buộc ông Hoàng Duy N phải chịu 2.225.706đồng; buộc bà Hoàng Thị S phải chịu 2.108.851đồng án phí chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Quyết định tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy một phần bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 10/2007/LHPT ngày 17/8/2007 của TAND tỉnh Hà Tĩnh và hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2007/HNGĐ-ST ngày 23/5/2007 của TAND huyện Cẩm Xuyên về phần tài sản liên quan đến diện tích đất lâm nghiệp trong vụ án “Hôn nhân và gia đình” giữa nguyên đơn là anh Hoàng Văn N với bị đơn là chị Hoàng Thị S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tĩnh cung cấp tài liệu, chứng cứ và cử người đại diện tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tĩnh chỉ cung cấp tài liệu liên quan đến việc cấp đất lâm nghiệp cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tại khu vực xã Cẩm Q, huyện Cẩm Xuyên mà không cử người đại diện tham gia tố tụng (có văn bản từ chối tham gia tố tụng).

Bị đơn bà Hoàng Thị S cung cấp địa chỉ và yêu cầu đưa bà Nguyễn Thị Quyển, bà Nguyễn Thị Sỡ, anh Nguyễn Văn Tuấn tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng những người này không có mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt những người này theo quy định.

[2] Về nội dung: Đối với diện tích đất lâm nghiệp 5,3ha theo sổ lâm bạ cấp ngày 27/01/1994 mang tên Hoàng Duy N.

[2.1] Về nguồn gốc, hồ sơ lưu trữ:

- Từ năm 1992 đến 1994, thực hiện dự án trồng rừng PAM 4304 trên địa bàn xã Cẩm Q, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, ban dự án đã lập các bản đồ thiết kế trồng rừng làm cơ sở cấp Lâm bạ cho các hộ dân để trồng, chăm sóc, bảo vệ theo dự án. Theo đó, bản thiết kế đòi trồng rừng Hoàng Duy T ở tiểu khu 306 lập năm 1994 chia khu vực trên thành 5 lô có diện tích khác nhau. Trên cơ sở đó, ngày 27/01/1994, UBND huyện cấp sổ Lâm bạ cho ông Hoàng Duy N với diện tích 5,3 ha tại lô thứ 2 và lô thứ 3.

- Hồ sơ lưu cấp sổ lâm bạ gồm: 01 đơn xin nhận đất, nhận rừng của hộ ông Hoàng Duy N với diện tích 5,3ha, có xác nhận của UBND xã Cẩm Q; đơn xin đăng ký cấp giấy CNQSDĐ không ghi ngày, tháng, năm, có sửa con số ở phần diện tích; 01 Sổ lâm bạ của Hoàng Duy N (Sổ lâm bạ không có số, với diện tích 5,3ha có sửa con số ở phần diện tích, sơ đồ khu đất được giao tỷ lệ 1/10.000 không sửa diện tích); 01 bản đồ thiết kế trồng rừng PAM năm 1994, đòi trồng rừng Hoàng Duy T, có phần diện tích đất của ông Hoàng Duy N.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị S cung cấp sổ Lâm bạ gốc diện tích 5,3ha. Ông N không cung cấp được vì cho rằng sổ Lâm bạ đã được cơ quan có thẩm quyền thu hồi trong quá trình cấp giấy

CNQSDĐ ngày 28/12/1995 với diện tích 12.443m²; bà S không cung cấp được vì cho rằng hiện ông N đang giữ nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh; theo xác minh, sổ lâm bạ gốc này hiện chỉ được lưu giữ 01 bản tại Hạt kiểm lâm huyện Cẩm Xuyên.

[2.2] Giá trị pháp lý tại thời điểm được cấp: Ông Hoàng Duy N thuộc đối tượng đủ điều kiện được giao đất, giao rừng; có đơn xin nhận đất, nhận rừng được UBND xã Cẩm Q xác nhận đảm bảo các điều kiện; Sổ lâm bạ với diện tích 5,3ha, thời hạn ít nhất 50 năm, được người có thẩm quyền ký, đóng dấu. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận việc cấp sổ lâm bạ này là đúng thực tế. Vì vậy, có căn cứ xác định, sổ lâm bạ này được cấp đúng đối tượng, đúng thực tế.

[2.3] Về hiệu lực của Sổ lâm bạ tại thời điểm vợ chồng ly hôn:

Mặc dù, ông Hoàng Duy N được cấp sổ lâm bạ có diện tích 5,3 ha. Tuy nhiên, khi thực hiện Nghị định 02/NĐ-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ và Thông tư 06-LN/KL ngày 18/6/1994 của Bộ lâm nghiệp, khu đất này đã được đo vẽ, xác định lại theo hiện trạng trồng rừng thực tế của các hộ dân và lập bản đồ đất lâm nghiệp xã Cẩm Q được sở địa chính phê duyệt. Trên cơ sở đó, ngày 28/12/1995 UBND huyện đã cấp giấy CNQSDĐ cho ông Hoàng Duy N với diện tích 12.443m²; ông Hoàng Duy T, ông Trần Cũng được cấp giấy CNQSDĐ cùng thời điểm (Sổ lâm bạ của ông N, ông Tú và ông Tài được cấp cùng ngày 27/01/1994, cùng khu vực). Diện tích đất 12.443m² mang tên ông Hoàng Duy N được thể hiện trên Bản đồ lâm nghiệp theo Nghị định 02/CP năm 1995; sổ mục kê và bản đồ lâm nghiệp 2004. Còn diện tích 5,3ha theo sổ lâm bạ sau khi thực hiện thực hiện Nghị định 02/NĐ-CP và Thông tư 06-LN/KL không còn được thể hiện trên bất cứ hồ sơ, tài liệu nào về quản lý đất đai.

- Qua xác minh và theo báo cáo của UBND huyện Cẩm Xuyên thì qua mô phỏng vị trí lâm bạ có diện tích 5,3ha cấp cho ông N lên bản đồ lâm nghiệp xã Cẩm Q năm 1995 có sự chồng đè với các giấy CNQSDĐ đã cấp như sau: 0,37 ha nằm trên thửa đất số 35 cấp cho ông Hoàng Duy N (trong tổng diện tích 12.443m²); 1,31ha đã cấp vào giấy CNQSDĐ cho ông Hoàng Duy T (trong tổng diện tích 3,6ha); 2,92 ha do Bộ chỉ huy quân sự sử dụng đã được cấp giấy CNQSDĐ; 0,74 ha chưa cấp giấy CNQSDĐ cho ai (diện tích đất này là nghĩa trang, núi đá).

- Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn thừa nhận ngoài sổ lâm bạ có diện tích 5,3ha thì vợ chồng không có sổ lâm bạ riêng nào với diện tích 12.443m², không có bất kỳ giấy tờ nào khác về đất lâm nghiệp và hiện không ai giữ sổ lâm bạ gốc. Nguyên đơn khẳng định sổ lâm bạ đã giao nộp lại, hiện không còn giá trị pháp lý nên tài sản chung vợ chồng về đất lâm nghiệp không còn diện tích 5,3ha.

Ông Hoàng Duy N khẳng định, sau khi được cấp sổ lâm bạ, vợ chồng ông đã trồng rừng trên một phần diện tích đất này, kết quả nghiệm thu chỉ trồng được 12.443m² nên được cấp có thẩm quyền đo vẽ, xác định lại theo hiện trạng và lập bản đồ đất lâm nghiệp xã Cẩm Q. Trên cơ sở đó, ngày 28/12/1995 UBND huyện đã cấp giấy CNQSDĐ cho ông với diện tích 12.443m²

- Kết quả xác minh tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Sở tài nguyên và môi trường phản ánh:

+ Năm 1995, tại xã Cẩm Q đã thí điểm đo đạc bản đồ gắn với cấp giấy CNQSDĐ theo chủ trương của Tổng cục quản lý địa chính thì Sở địa chính (nay là Sở tài nguyên và môi trường) chủ trì đo đạc, UBND huyện Cẩm Xuyên có trách nhiệm cấp giấy CNQSDĐ. Khi thực hiện đo đạc căn cứ vào ranh giới đất tại thực địa đã được các chủ sử dụng đất thống nhất. Kết quả đo đạc thành lập bản đồ địa chính được huyện, xã và Sở địa chính ký duyệt. Trên cơ sở số liệu đo đạc bản đồ địa chính thì người sử dụng đất làm đơn kê khai đăng ký và giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất (quyết định giao đất) nộp UBND xã. Sau khi tiếp nhận UBND xã tổ chức họp Hội đồng tư vấn xét duyệt đơn và nội dung xét duyệt xác định quyền sử dụng đất hợp pháp của người xin cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích, ranh giới thửa đất đã được đo đạc đề trình UBND huyện cấp giấy CNQSDĐ. Như vậy, sau khi được cấp giấy CNQSDĐ thì quyết định giao đất (Sổ lâm bạ) không còn giá trị pháp lý.

+ Tài liệu gốc về đo đạc bản đồ hiện lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai gồm có: Bản đồ địa chính, sổ mục kê, còn hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ cho hộ gia đình cá nhân vào năm 1995-1996 tại xã Cẩm Q thì UBND huyện Cẩm Xuyên chưa giao nộp về Văn phòng đăng ký đất đai.

- Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất 5,3 ha theo sổ lâm bạ phản ánh:

+ Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khẳng định thửa đất 5,3ha theo sổ lâm bạ mang tên Hoàng Duy N hiện không còn được xác lập trên thực địa, diện tích đất này đã được cấp giấy CNQSDĐ cho các cá nhân, tổ chức khác, sổ lâm bạ không còn giá trị pháp lý nên không có căn cứ để xem xét thẩm định tại chỗ.

+ Bị đơn bà Hoàng Thị S chỉ các mốc giới, ranh giới, tứ cận và yêu cầu đoàn xem xét thẩm định phải đo đạc để cho rằng thửa đất bà chỉ là diện tích 5,3ha theo sổ lâm bạ.

+ Theo Báo cáo của UBND huyện Cẩm Xuyên, xác minh tại UBND xã Cẩm Q và các tài liệu kèm theo thì diện tích đất bà Hoàng Thị S chỉ để đo đạc không liên quan, tách biệt với diện tích đất 5,3ha theo sổ lâm bạ. Cụ thể: Phần phía bắc đất bà chỉ đã được cấp giấy CNQSDĐ cho ông Hoàng Duy T; một phần được cấp cho các cá nhân và một phần thuộc quản lý của Nhà nước, hiện bà S và bà Hoàng Thị N đang tự ý trồng cây. Việc bà S tự ý trồng cây trên diện tích đất này là vi phạm pháp luật về quản lý đất đai, việc này đã được UBND xã Cẩm Q lập biên bản vi phạm.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích đất lâm nghiệp 5,3ha theo sổ lâm bạ cấp ngày 27/01/1994 mang tên Hoàng Duy N sau khi thực hiện Nghị định 02/NĐ-CP và Thông tư 06/LN-KL không còn được xác lập trên thực tế, không còn được thể hiện trên hồ sơ quản lý đất đai, diện tích này đã được cấp cho một số cá nhân, tổ chức (trong đó có ông Hoàng Duy N). Vì vậy, tài sản chung của vợ chồng tại thời điểm giải quyết vụ án

không còn tồn tại diện tích đất 5,3ha nên không có căn cứ để phân chia theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với diện tích đất lâm nghiệp 12.443m² theo giấy CNQSDĐ 28/12/1995 mang tên Hoàng Duy N.

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận diện tích đất lâm nghiệp 12.443m² mang tên Hoàng Duy N được cấp giấy CNQSDĐ theo quy định của pháp luật, có hiệu lực pháp lý. Sau khi bản án sơ thẩm, phúc thẩm nói trên có hiệu lực, ngày 10/3/2011 bà Hoàng Thị S đã kê khai, và được cấp giấy CNQSDĐ với diện tích được chia là 6.221,5m²; nguyên đơn, bị đơn đã canh tác, sử dụng và nhận tiền đền bù khi bị Nhà nước thu hồi một phần để làm đường giao thông đối với phần diện tích đất được chia, không ai có ý kiến gì. Tuy nhiên, quyết định tái thẩm đã hủy phần đất lâm nghiệp này. Mặt khác, nguyên đơn, bị đơn đề nghị phân chia lại theo hiện trạng thực tế.

Trên cơ sở kết quả chuyển số liệu từ bản đồ địa chính, hồ sơ liên quan lưu giữ và với tư cách là cơ quan chủ trì đo vẽ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Sở tài nguyên và Môi trường (trước đây là Sở địa chính) đã chuyển số liệu từ bản đồ ra thực tế; thực trạng canh tác, sử dụng đất và thực tế nhận tiền đền bù khi Nhà nước thu hồi một phần (ngày 04/4/2011, bà S đã nhận tiền đền bù với diện tích 1600,75m²; ông N nhận tiền đền bù với diện tích 1280,6m²). Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất còn lại, kết quả cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đường vào nghĩa Trang, có chiều dài 37,70m; phía N giáp đất ông Hoàng Duy T, có chiều dài 36,79m; phía Đông giáp đường đi thị trấn Cẩm Xuyên, có chiều dài 331,60m; phía Tây giáp đất UBND xã quản lý (hiện bà Hoàng Thị N đang trồng cây), có chiều dài 337,1m. Diện tích hiện trạng thửa đất tại thời điểm đo đạc là 11.875,5m². Như vậy, tổng diện tích thửa đất (gồm cả diện tích đất đã thu hồi của ông N, bà S) là 14.756,85m².

Tổng diện tích hiện trạng tại thời điểm đo đạc và diện tích đã bị thu hồi của thửa đất số 35, tờ bản đồ số 1 lớn hơn diện tích theo giấy CNQSDĐ cấp cho ông Hoàng Duy N ngày 28/12/1995. Tuy nhiên, các đương sự đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp, quá trình xem xét thẩm định tại chỗ các hộ liên kê và chính quyền địa phương đều tham gia và xác nhận nên cần công nhận diện tích này để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Theo kết quả định giá tài sản ngày 26/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản phản ánh: 01m² đất tại thửa số thửa đất số 35, tờ bản đồ số 1 có trị giá 7.300đồng. Như vậy, tổng trị giá thửa đất là: 11875,5m² x 7.300đồng/1m² = 86.691.150đồng.

Kỷ phần được phân chia như sau:

Chia cho Hoàng Thị S ½ thửa đất, tương đương với diện tích 7.378,425m², bà đã nhận tiền đền bù khi thu hồi diện tích 1600,75m² nên diện tích đất còn lại được hưởng là 5.777,7m² (Ký hiệu S2), có tứ cận cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đường vào nghĩa trang, có chiều dài 37,70m; Phía N giáp phần đất ông Hoàng Duy N được chia (Ký hiệu S1), có chiều dài 39,87m; Phía Đông giáp đường đi thị trấn Cẩm Xuyên, có chiều dài 165,8m; Phía Tây giáp đất UBND xã quản lý (hiện bà

Hoàng Thị N đang trồng cây), có chiều dài 161,3m. Diện tích 5.777,7m² tương đương với số tiền 42.177.000đồng.

Chia cho ông Hoàng Duy N $\frac{1}{2}$ thửa đất, tương đương với diện tích 7.378,425m², ông đã nhận tiền đền bù khi thu hồi diện tích 1280,6m² nên diện tích đất còn lại được hưởng là 6.097,8m² (Ký hiệu S1), có tứ cận cụ thể như sau: Phía Bắc giáp phần đất bà Hoàng Thị S được chia (S2), có chiều dài 39,87m; Phía N giáp đất hiện nay ông N và bà Hoàng Thị N đang trồng cây, có chiều dài 36,79m; Phía Đông giáp đường đi thị trấn Cẩm Xuyên, có chiều dài 165,8m; Phía Tây giáp đất UBND xã quản lý (hiện bà Hoàng Thị N đang trồng cây), có chiều dài 175,8m. Diện tích 6.097,8m² tương đương với số tiền 44.514.000đồng.

- Trên cơ sở Quyết định của Bản án phúc thẩm số 10/2007/LHPT ngày 17/8/2007 của TAND tỉnh Hà Tĩnh và Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2007/HNGĐ-ST ngày 23/5/2007 của TAND huyện Cẩm Xuyên về việc phân chia diện tích đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 1, ông Hoàng Duy N và bà Hoàng Thị S đã tiến hành trồng cây trên phần đất được chia (bà S làm thủ tục và được cấp giấy CNQSDĐ với diện tích 6.221,5m²). Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và trình bày của các đương sự, cây trồng trên đất là cây keo đã đến kỳ thu hoạch và một số cây mọc tạp không có giá trị. Do đó, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Hoàng Thị S phải khai thác toàn bộ số cây bà trồng trên diện tích 166,5m² (Ký hiệu S3) (nay phần đất này được chia cho ông Hoàng Duy N) để trả lại mặt bằng cho ông N, có tứ cận cụ thể như sau: Phía Bắc giáp phần đất bà Hoàng Thị S được chia, có chiều dài 38,67m; Phía N giáp phần đất ông Hoàng Duy N được chia, có chiều dài 36,92m; Phía Đông giáp đường đi thị trấn Cẩm Xuyên, có chiều dài 2,70m; Phía Tây giáp đất UBND xã quản lý (hiện bà Hoàng Thị N đang trồng cây), có chiều dài 6,98m.

Bà Hoàng Thị N trồng cây trên phần diện tích đất chênh lệch (tăng thêm) giữa diện tích thực trạng theo đo đạc hiện nay so với diện tích đất ông Hoàng Duy N và bà Hoàng Thị S đã được chia theo các bản án nói trên. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyệt đồng ý để ông N, bà S được toàn quyền khai thác, sử dụng, định đoạt số cây cối bà trồng nằm trên phần đất nay được chia cho ông N và bà S mà không có yêu cầu, khiếu nại gì.

[4] Đối với số lâm bạ 5,3 ha do UBND huyện Cẩm Xuyên cấp ngày 27/01/1994 mang tên Hoàng Duy N (hiện lưu giữ tại Hạt kiểm lâm huyện Cẩm Xuyên), kiến nghị UBND huyện Cẩm Xuyên thực hiện thủ tục xử lý theo quy định của pháp luật.

- Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích phần đất chia cho bà Hoàng Thị S hiện nay có sự chênh lệch so với diện tích trong giấy CNQSDĐ cấp cho bà Hoàng Thị S ngày 10/3/2011. Vì vậy, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Hoàng Thị S có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ điều chỉnh lại giấy CNQSDĐ đối với diện tích được chia theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia là quyền sử dụng đất.

Đối với tài sản trên đất là cây keo đã đến kỳ thu hoạch và một số cây tạp mọc xen kẽ không có giá trị. Xét thấy, phần cây keo này do nguyên đơn, bị đơn trồng trên phần đất mình được chia theo các bản án nói trên nên đây là tài sản riêng của từng người. Vì vậy, nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí đối với phần tài sản trên đất là cây cối.

[6] *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 38, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 210, 213, 224, 235 Bộ luật dân sự; Điều 4, 10, 13 và Điều 14 Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ; Mục 7.5 Thông tư số 06/LN-KL ngày 18/6/1994 của Bộ lâm nghiệp; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm b Khoản 1 điều 24, Điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Xác định diện tích đất 5,3 theo Sổ lâm bạ mang tên Hoàng Duy N, tại thôn 4, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh được UBND huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 27/01/1994 không còn được xác lập trên thực tế, không còn là tài sản chung của vợ chồng ông Hoàng Văn N (tức Hoàng Duy N hoặc Hoàng Hữu N) và bà Hoàng Thị S để phân chia theo quy định của pháp luật.

2. Xác định tài sản chung của vợ chồng ông Hoàng Văn N (tức Hoàng Duy N hoặc Hoàng Hữu N) và bà Hoàng Thị S về phần đất lâm nghiệp là thửa số 35, tờ bản đồ số 1, diện tích 11875,5m², tại thôn 4, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh. Phân chia thửa đất này thành 02 phần, cụ thể như sau:

- Ông Hoàng Văn N được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 6.097,8m² (Ký hiệu S1), tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp phần đất bà Hoàng Thị S được chia (Ký hiệu S2), có chiều dài 39,87m.

+ Phía N giáp đất hiện nay ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị N đang trồng cây, có chiều dài 36,79m.

+ Phía Đông giáp đường đi thị trấn Cẩm Xuyên, có chiều dài 165,8m.

+ Phía Tây giáp đất UBND xã quản lý (hiện bà Hoàng Thị N đang trồng cây), có chiều dài 175,8m.

- Bà Hoàng Thị S được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 5.777,7m² (Ký hiệu S2), tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp đường vào nghĩa trang, có chiều dài 37,70m.

+ Phía N giáp phần đất ông Hoàng Văn N được chia (Ký hiệu S1), có chiều dài 39,87m.

+ Phía Đông giáp đường đi thị trấn Cẩm Xuyên, có chiều dài 165,8m.

+ Phía Tây giáp đất UBND xã quản lý (hiện bà Hoàng Thị N đang trồng cây), có chiều dài 161,3m.

- Buộc bà Hoàng Thị S phải khai thác toàn bộ số cây bà trồng nằm trên diện

tích 166,5m² (Ký hiệu S3) nay được chia cho ông Hoàng Văn N, để trả lại mặt bằng cho ông N, tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp phần đất bà Hoàng Thị S được chia, có chiều dài 38,67m.
- + Phía N giáp phần đất ông Hoàng Văn N được chia, có chiều dài 36,92m.
- + Phía Đông giáp đường đi thị trấn Cẩm Xuyên, có chiều dài 2,70m.
- + Phía Tây giáp đất UBND xã quản lý (hiện bà Hoàng Thị N đang trồng cây), có chiều dài 6,98m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Hoàng Văn N có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

“Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn N phải chịu 2.226.000đồng; buộc bà Hoàng Thị S phải chịu 2.109.000đồng án phí chia tài sản chung.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Vinh

Trịnh Ngọc Kỳ

Nguyễn Duy Hoàng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoàng

